

Chiếu Hiệp định Việt — Trung ngày 24-12-1954 ;

Chiếu nghị định số 237-NĐ ngày 29-12-1954 quy định các loại bưu phẩm gửi ra ngoài nước ;

Chiếu nghị định số 8-NĐ ngày 7-1-1955 quy định cước phí cho các loại bưu phẩm thường gửi ra ngoài nước ;

Chiếu nghị định số 124-NĐ ngày 14-3-1955 tổ chức Tổng Cục Bưu điện ;

Chiếu nghị định số 354-NĐ ngày 27-12-1955 và số 63-NĐ ngày 13-7-1956 mở công vụ bưu phẩm máy bay với các nước Xã hội chủ nghĩa và Dân chủ nhân dân ;

Theo đề nghị của ông Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Bưu điện,

**NGHỊ ĐỊNH :**

Điều 1. — Bưu phẩm máy bay gửi Trung quốc, các nước Xã hội chủ nghĩa và Dân chủ nhân dân qua Trung quốc nay chuyển bằng đường hàng không dân dụng Hà-nội — Nam-ninh — Vũ-hán — Bắc-kinh.

Điều 2. — Nay bãi bỏ việc chuyển vận bưu phẩm gửi các máy bay bằng đường hàng không dân dụng, Hà-nội Canton và Nam-ninh — Bắc-kinh.

Điều 3. — Ngoài cước thường quy định trong nghị định số 8-NĐ ngày 7-1-1955, bưu phẩm gửi bằng đường hàng không Hà-nội — Nam-ninh — Vũ-hán — Bắc-kinh phải trả thêm phụ cước máy bay tính cho mỗi loại gửi mỗi nước theo bảng sau đây :

Tên nước nhận Bưu phẩm	Thu, gói thư Bưu thiệp (mỗi 5 gram)	Ấn phẩm, mẫu hàng, giấy tờ giao dịch (mỗi 25 gram)	Bảo chi (mỗi 25 gram)
— Các thành phố và tỉnh: Namninh—Kwangsi Hunan — Kweichow	50 đ	80 đ	50 đ
— Các tỉnh khác của Trung quốc	100 đ	250 đ	220 đ
Liên-xô	300 đ	600 đ	500 đ
Tiếp-khác	350 đ	700 đ	600 đ
Bun-ga-ri	350 đ	700 đ	600 đ
Ru-ma-ni	350 đ	700 đ	550 đ
An-ba-ni	350 đ	750 đ	600 đ
Cộng hòa Dân chủ Đức	350 đ	700 đ	600 đ
Mông-cô	200 đ	350 đ	300 đ
Triều-tiên	200 đ	350 đ	300 đ
Hung-ga-ri	350 đ	700 đ	550 đ
Ba-lan	300 đ	650 đ	550 đ

— Nếu gửi bảo đảm, người gửi phải trả thêm cước bảo đảm ngoài nước 600đ một bưu phẩm.

Điều 4. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Bưu điện chiếu nghị định thi hành.

Hà-nội, ngày 15 tháng 3 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

Thủ trưởng

NGUYỄN-HỮU-MAI

**BỘ THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC**

**NGHỊ ĐỊNH số 193-NĐ ngày 15-3-1957 bổ sung nghị định số 44-NĐ ngày 31-12-1955 tổ chức quản lý nông giang.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC**

Căn cứ nghị định số 44-NĐ ngày 31-12-1955 tổ chức quản lý nông giang,

**NGHỊ ĐỊNH :**

Điều 1. — Nay bổ sung điều 4 trong nghị định số 44-NĐ ngày 31-12-1955 như sau :

Thành phần Hội đồng Quản trị hệ thống nông giang gồm có :

- Một đại diện chính quyền tỉnh
- Một đại diện Nông hội tỉnh
- Một đại diện Ty Nông lâm
- Một đại diện Ty Thủy lợi và Kiến trúc
- Đại diện các Ủy ban Hành chính huyện có ruộng được tưới (mỗi huyện một người)
- Ban Quản trị hệ thống
- Một hay nhiều đại biểu lao nông và chuyên sĩ nông nghiệp, do Ủy ban Hành chính tỉnh chỉ định.

Điều 2. — Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính Liên khu 3, 4, Tả ngạn, các tỉnh trực thuộc : Bắc-giang, Bắc-ninh, Phú-thọ, Vĩnh-phúc và ông Giám đốc Cục Quản lý công trình Bộ Thủy lợi Kiến trúc chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 15 tháng 3 năm 1957

TRẦN-ĐĂNG-KHOA

**NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM**

**THÔNG TƯ số 446 - QLNH - TT, ngày 8-3-1957 về thủ tục phí và sai giá trong nghiệp vụ đối ngoại.**

Căn cứ vào số vốn và chi phí mà Ngân hàng phải phụ đảm, căn cứ vào sự phát triển về mậu dịch cũng như về giao dịch của quốc gia và lợi suất mới về cho vay thương nghiệp của Ngân hàng năm 1957, bằng tỷ lệ thủ tục phí và sai giá về nghiệp vụ đối ngoại năm 1957 quy định như sau :

	THỦ TỤC PHÍ	SAI GIÁ
<b>A. — PHẦN MẬU DỊCH :</b>		
<b>1. — Đối với Liên-xô và các nước Dân chủ nhân dân :</b>		
Xuất : Những khoản tiền nước ngoài chuyển vào để trả hàng xuất . . . . .	2% (phần nghìn)	1% (phần trăm)
Nhập : Những khoản tiền chuyển ra nước ngoài để trả hàng nhập . . . . .	2% (phần nghìn) (tối thiểu 1.000đ)	1% (phần trăm)
<b>2. — Đối với các nước tư bản :</b>		
— Mở tín dụng khoản để nhập hàng nước ngoài. . . . .	1% (phần nghìn) Ngoài ra Ngân hàng nước ngoài lấy lệ phí bao nhiêu ta sẽ trả bấy nhiêu.	Tiền tư bản có giá mua giá bán.
— Sửa chữa tín dụng khoản, mỗi lần. . . . .	4.000đ.	
— Gia hạn tín dụng khoản. . . . .	0,25% (tối thiểu 4.000đ).	Tiền tư bản có giá mua giá bán.
<b>B. — PHẦN PHÍ MẬU DỊCH :</b>		
<b>1. — Đối với Liên-xô và các nước Dân chủ nhân dân :</b>		
— Chuyển đi. . . . .	5% (tối thiểu 1.000đ)	Không có sai giá.
<b>2. — Đối với các nước tư bản :</b>		
— Chuyển đi. . . . .	1% (tối thiểu 1.000đ)	Tiền tư bản có giá mua giá bán.
<b>C. — THU HỘ :</b>		
<b>1. — Đối với Liên-xô và các nước Dân chủ nhân dân :</b>		
— Phí mậu dịch . . . . .	5% (Ngoài ra Ngân hàng nước ngoài lấy bao nhiêu trả thêm bấy nhiêu).	Không có sai giá.
— Mậu dịch . . . . .	Theo thủ tục phí chuyển tiền.	
<b>2. — Đối với các nước tư bản :</b>		
— Ủy nhiệm thu hộ. . . . .	2,5% (Ngoài ra Ngân hàng nước ngoài lấy bao nhiêu trả thêm bấy nhiêu).	Tiền tư bản có giá mua giá bán.

**D. — CHI PHÍ VỀ THU TÍN ĐIỆN :**

Ngoài việc thu thủ tục phí và sai giá kể trên, khách hàng phải trả thêm :

- Trường hợp có điện phải trả tiền điện,
- Trường hợp mở tín dụng khoản, trả thêm các khoản điện phí liên quan theo cước phí của bưu điện và lệ phí nếu Ngân hàng nước ngoài thu.

**E. — TRƯỜNG HỢP HÀNG HÓA HOẶC TÍN DỤNG KHOẢN KHÔNG NHẬN TRẢ :**

— Trường hợp hàng hóa không phù hợp mà không nhận trả :

*Sai giá:* Ngân hàng trả lại cùng với các khoản tiền thanh toán và không lấy thêm thủ tục phí nữa.

*Thủ tục phí:* Không trả lại.

**F. — TRẢ TIỀN BẰNG ĐIỆN CHẬM TRẢ :**

— Chậm ngày nào trả lại ngày đó theo chế độ giữa Ngân hàng và Bộ Thương nghiệp.

Bảng thủ tục phí và sai giá trên đây chỉ áp dụng cho trong nước, chứ không phải bảng thủ tục phí áp dụng với Ngân hàng nước ngoài.

**CHÚ THÍCH :** Sai giá đối với các nước tư bản không có vì tiền tư bản đã có giá mua và giá bán. Bảng tỷ lệ thủ tục phí và sai giá này sẽ thi hành bắt đầu ngày 15 tháng 3 năm 1957 và hủy bỏ các bảng tỷ lệ cũ.

Hà-nội, ngày 8 tháng 3 năm 1957  
 Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt-nam  
**LÊ-VIẾT-LƯƠNG**

09668613  
 LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 www.ThuVienPhapLuat.com